

**CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI VÀ GIAO NHẬN BIA SÀI GÒN**

Báo cáo tài chính
cho kỳ kế toán từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
đã được soát xét



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	9 – 31

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận biển Sài Gòn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ 01/01/2013 đến 30/06/2013.

Khái quát

Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Biển Sài Gòn là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Xi nghiệp Vận tải theo Quyết định số 1935/QĐ-TCCB ngày 01 tháng 6 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003988 ngày 31 tháng 10 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy chứng nhận đăng ký sửa đổi bổ sung.

Hoạt động của Công ty là kinh doanh vận tải hàng hóa, hành khách bằng ô tô; sản xuất, mua bán vật tư, phụ tùng, thiết bị vận tải (không gia công cơ khí tại trụ sở); mua bán rượu bia, nước giải khát (không kinh doanh dịch vụ ăn uống); sửa chữa phương tiện vận tải đường bộ; cho thuê nhà xưởng, kho bãi, văn phòng; dịch vụ vệ sinh công nghiệp; kinh doanh bất động sản; xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan.

Trụ sở chính của Công ty tại số 78 Tôn Thất Thuyết, phường 16, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

Ông Văn Thanh Liêm	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quang Tiếp	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Xuân	Thành viên
Ông Đàm Phan Liêm	Thành viên
Ông Nguyễn Hoài Bắc	Thành viên
Ông Lê Hồng Xanh	Thành viên (Từ 11/05/2013)
Ông Nguyễn Hùng Dũng	Thành viên (Đến 11/05/2013)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đàm Phan Liêm	Tổng Giám đốc (Từ 31/05/2013)
Ông Nguyễn Quang Tiếp	Tổng Giám đốc (Đến 31/05/2013)
Ông Nguyễn Hoài Bắc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Duy Hạnh	Phó Tổng Giám đốc (Từ 01/07/2013)

Ban kiểm soát

Bà Lê Thị Mai Hương	Trưởng ban (Từ 01/06/2013)
Ông Nguyễn Hữu Chương	Trưởng ban (Đến 01/06/2013)
Bà Nguyễn Thị Thùy Linh	Thành viên

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

2198
ÔNG
NHIỆM
Y VU T
HINH K
KIEM
M V
TP. H

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh

Trong 6 tháng đầu năm 2013 tình hình hoạt động kinh doanh của công ty rất khó khăn do những nguyên nhân chủ yếu sau đây:

- Đơn giá vận chuyển thuê ngoài tăng, trong khi đó đơn giá vận chuyển bia lại giảm.
- Giá xăng dầu tăng; phí đường bộ, phí cầu đường tăng; chi phí sửa chữa, bảo trì phí bảo hiểm xe tăng; tiền thuê đất kho bãi.
- Mặt khác, các tuyến vận chuyển vượt tuyến Bắc – Nam tăng trong 6 tháng đầu năm 2013.

Để cải thiện tình hình hoạt động kinh doanh của công ty, Ban lãnh đạo công ty đang đề xuất với các đối tác vận chuyển thuê ngoài để giảm đơn giá vận chuyển và thực hiện tiết giảm chi phí hoạt động như là: giảm lương, tăng giờ làm, tái cơ cấu lại bộ máy nhân sự. Đồng thời đề xuất tăng đơn giá vận chuyển đầu ra đối với dịch vụ vận chuyển bia của Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Sabeco trong 6 tháng cuối năm. Với những biện pháp này, Ban lãnh đạo công ty tin rằng tình hình hoạt động kinh doanh của công ty trong 6 tháng cuối năm của công ty sẽ được cải thiện.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn phê duyệt Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 của Công ty được trình bày từ trang 05 đến trang 31 kèm theo

Thay mặt Hội đồng Quản trị

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Văn Thanh Liêm
Chủ tịch

Đàm Phan Liêm
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 07 năm 2013



Số: 314/BCSX/TC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
Về Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
của Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận bìa Sài Gòn

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận bìa Sài Gòn

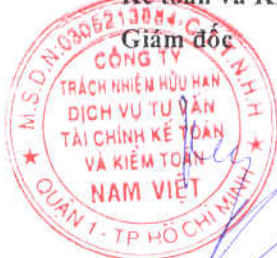
Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận bìa Sài Gòn được lập ngày 15/07/2013 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 05 đến trang 31 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa Báo cáo nhận xét về các báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận bìa Sài Gòn tại ngày 30/06/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt



Nguyễn Thị Lan
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0167-2013-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 08 năm 2013

Kiểm toán viên

Nguyễn Anh Tuấn
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 1559-2013-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		178.269.820.462	249.195.470.980
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	31.555.041.796	28.932.429.645
1. Tiền	111		31.555.041.796	28.932.429.645
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		130.661.716.450	209.061.041.020
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	115.596.211.839	191.767.355.163
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	11.908.352.909	13.906.259.391
3. Các khoản phải thu khác	135	V.4	3.157.151.702	3.387.426.466
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
III. Hàng tồn kho	140	V.5	2.934.125.701	3.167.925.943
1. Hàng tồn kho	141		2.934.125.701	3.167.925.943
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		13.118.936.515	8.034.074.372
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	4.572.416.127	4.195.480.579
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.462.219.771	-
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154	V.7	1.919.895.835	1.919.895.835
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	2.164.404.782	1.918.697.958
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		107.976.692.640	120.025.196.726
I. Tài sản cố định	220		41.903.464.253	51.625.431.111
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	41.903.464.253	51.625.431.111
- Nguyên giá	222		128.197.874.997	127.970.874.997
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(86.294.410.744)	(76.345.443.886)
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.10	43.660.000.000	43.660.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		41.310.000.000	41.310.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		2.350.000.000	2.350.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		-	-
III. Tài sản dài hạn khác	260		22.413.228.387	24.739.765.615
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	22.413.228.387	24.739.765.615
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		286.246.513.102	369.220.667.706

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		223.953.255.075	231.750.717.974
I. Nợ ngắn hạn	310		216.117.139.115	223.914.602.014
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	4.378.000.000	13.664.422.918
2. Phải trả người bán	312	V.13	201.479.628.968	175.890.542.291
3. Người mua trả tiền trước	313	V.14	3.652.112.991	479.361
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.15	1.278.475	4.108.189.790
5. Phải trả người lao động	315		3.796.305.431	7.539.468.567
6. Chi phí phải trả	316	V.16	1.512.750.321	14.529.711.968
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.17	854.412.843	4.336.611.328
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		442.650.086	3.845.175.791
II. Nợ dài hạn	330		7.836.115.960	7.836.115.960
1. Vay và nợ dài hạn	334	V.18	7.836.115.960	7.836.115.960
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.19	-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		62.293.258.027	137.469.949.732
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	62.293.258.027	137.469.949.732
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80.000.000.000	80.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		27.496.000.000	27.496.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		16.596.027.258	16.596.027.258
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		8.000.000.000	8.000.000.000
9. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(69.798.769.231)	5.377.922.474
II. Nguồn kinh phí	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		286.246.513.102	369.220.667.706

Người lập biểu

Lê Thị Thu Hà

Ngày 15 tháng 07 năm 2013

Kế toán trưởng

Trần Bình Nam



Tổng Giám đốc

Đàm Phan Liêm

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho kỳ kế toán từ 01/01/2013 đến 30/06/2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		462.770.047.544	424.142.724.726
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	462.770.047.544	424.142.724.726
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	513.963.149.570	392.484.569.454
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(51.193.102.026)	31.658.155.272
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	143.024.551	219.535.534
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	841.308.775	1.705.413.784
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		841.308.775	1.705.413.784
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	6.279.593.189	5.304.231.460
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	11.675.095.272	12.838.134.054
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(69.846.074.711)	12.029.911.508
11. Thu nhập khác	31	VI.7	3.281	360.862.145
12. Chi phí khác	32	VI.8	363.482.542	358.366.293
13. Lợi nhuận khác	40		(363.479.261)	2.495.852
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(70.209.553.972)	12.032.407.360
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	-	1.556.997.558
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(70.209.553.972)	10.475.409.802

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Lê Thị Thu Hà

Trần Bình Nam

Đàm Phan Liêm

Ngày 15 tháng 07 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho kỳ kế toán từ 01/01/2013 đến 30/06/2013

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(70.209.553.972)	12.032.407.360
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	9.948.966.858	10.006.140.736
- Các khoản dự phòng	03	-	-
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	-	-
- Chi phí lãi vay	06	841.308.775	1.705.413.784
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(59.419.278.339)	23.743.961.880
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	73.691.397.975	38.887.936.855
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	233.800.242	(1.155.037.987)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	9.177.251.319	(68.214.432.934)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.949.601.680	661.958.986
- Tiền lãi vay đã trả	13	(1.039.183.170)	(2.029.401.156)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	-
- Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	15	-	200.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(8.369.663.438)	(157.552.354)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	16.223.926.269	(8.062.566.710)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua, xây dựng tài sản cố định	21	(195.000.000)	(163.510.000)
2. Tiền thu từ nhượng bán tài sản cố định	22	-	358.358.753
3. Tiền chi cho vay	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay	24	-	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức được chia	27	-	8.262.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(195.000.000)	8.456.848.753
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(9.286.422.918)	(9.378.000.000)
2. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.119.891.200)	(16.120.142.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(13.406.314.118)	(25.498.142.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	2.622.612.151	(25.103.859.957)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	28.932.429.645	32.757.251.952
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	31.555.041.796	7.653.391.995

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Lê Thị Thu Hà

Trần Bình Nam

Đàm Phan Liêm

Ngày 15 tháng 07 năm 2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH cho kỳ kế toán từ 01/01/2013 đến 30/06/2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Xí nghiệp Vận tải theo Quyết định số 1935/QĐ-TCCB ngày 01 tháng 6 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003988 ngày 31 tháng 10 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy chứng nhận đăng ký sửa đổi bổ sung.

Trụ sở chính của Công ty tại số 78 Tôn Thất Thuyết, phường 16, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động của Công ty là kinh doanh vận tải hàng hóa, hành khách bằng ô tô; sản xuất, mua bán vật tư, phụ tùng, thiết bị vận tải (không gia công cơ khí tại trụ sở); mua bán rượu bia, nước giải khát (không kinh doanh dịch vụ ăn uống); sửa chữa phương tiện vận tải đường bộ; cho thuê nhà xưởng, kho bãi, văn phòng; dịch vụ vệ sinh công nghiệp; kinh doanh bất động sản; xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan.

4. Đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh

Trong 6 tháng đầu năm 2013 tình hình hoạt động kinh doanh của công ty rất khó khăn do những nguyên nhân chủ yếu sau đây:

- Đơn giá vận chuyển thuê ngoài tăng, trong khi đó đơn giá vận chuyển bia lại giảm.
- Giá xăng dầu tăng; phí đường bộ, phí cầu đường tăng; chi phí sửa chữa, bảo trì phí bảo hiểm xe tăng; tiền thuê đất kho bãi.
- Mặt khác, các tuyến vận chuyển vượt tuyến Bắc – Nam tăng trong 6 tháng đầu năm 2013.

Để cải thiện tình hình hoạt động kinh doanh của công ty, Ban lãnh đạo công ty đang đề xuất với các đối tác vận chuyển thuê ngoài để giảm đơn giá vận chuyển và thực hiện tiết giảm chi phí hoạt động như là: giảm lương, tăng giờ làm, tái cơ cấu lại bộ máy nhân sự. Đồng thời đề xuất tăng đơn giá vận chuyển đầu ra đối với dịch vụ vận chuyển bia của Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Sabeco trong 6 tháng cuối năm. Với những biện pháp này, Ban lãnh đạo công ty tin rằng tình hình hoạt động kinh doanh của công ty trong 6 tháng cuối năm của công ty sẽ được cải thiện.

I. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các văn bản hướng dẫn sửa đổi bổ sung kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc thiết bị	06 - 07 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Dụng cụ quản lý	03 - 05 năm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

4. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Các khoản đầu tư chứng khoán chưa niêm yết vì không có đủ các thông tin cần thiết để lập dự phòng nên công ty không trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư này. Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng các khoản dự phòng đối với các khoản đầu tư này, nếu có, không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính.

6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức là lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty sẽ được chia cho các cổ đông, cổ tức được ghi nhận theo đề nghị của Hội đồng quản trị trong việc phân phối lợi nhuận trình Đại hội cổ đông.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

12. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm

13. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

14. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	219.759.000	49.860.000
Tiền gửi ngân hàng	31.335.282.796	28.882.569.645
Cộng	31.555.041.796	28.932.429.645

2. Phải thu khách hàng

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tổng Cty CP Bia rượu NGK Sài Gòn và chi nhánh	451.363.548	164.942.140
Công ty TNHH ITV Thương mại SABECO	-	49.078.920.119
Công ty CPTM SABECO Miền Trung và chi nhánh	997.693.686	3.905.221.980
Công ty CPTM SABECO Tây Nguyên và chi nhánh	9.432.615.324	23.414.993.804
Công ty CPTM SABECO Nam Trung Bộ và chi nhánh	10.723.061.245	23.698.003.395
Công ty CPTM SABECO Miền Đông và chi nhánh	27.582.097.983	13.260.899.546
Công ty CPTM SABECO Sông Tiền và chi nhánh	11.733.109.971	2.614.004.415
Công ty CP Bia Sài Gòn - Miền Tây và chi nhánh	-	467.115.222
Công ty CP Bia Sài Gòn Nghệ Tĩnh và chi nhánh	55.343.448	55.343.448
Công ty CPTM SABECO Sông Hậu và chi nhánh	9.940.109.949	20.699.426.402
Công ty CPTM SABECO Trung Tâm	26.878.305.069	36.822.183.244
Công ty CP Bia Sài Gòn - Bình Tây	3.287.790	115.331.479
Công ty CP rượu Bình Tây và chi nhánh	54.182.621	-
Công ty CP Bao bì Bia Sài Gòn	3.456.426.040	3.456.426.040
Công ty CP Bao bì SABECO Sông Lam	-	617.640.100
Công ty CP Bia Sài Gòn - Sông Lam	123.081.982	169.078.059
Công ty CP Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	-	778.886.622
Công ty CP Bia Sài Gòn - Hà Nội	1.714.646.606	1.469.946.132
Công ty CP Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi	5.706.168	70.021.730
Công ty CP Bia Sài Gòn - Phú Lý	87.170.798	26.190.646
Công ty CP Bia Sài Gòn - Phú Thọ	32.367.710	14.553.094
Công ty CP Bia và Nước giải khát Phú Yên	-	80.850.000
Công ty TNHH ITV Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	1.787.841.550	697.767.950
Công ty CP Vận tải và giao nhận Bia Sài Gòn	-	14.930.410
Sabetran - Miền Bắc		
Công ty CP Vận tải và giao nhận Bia Sài Gòn	1.463.302.500	217.686.590
Sabetran - Miền Trung		
Công ty CP Vận tải và giao nhận Bia Sài Gòn Miền Tây	3.880.309.400	3.879.993.150
Công ty CP Vận tải giao nhận và Thương mại Quang Châu	10.998.130	1.268.190
Công ty TNHH Xây Dựng và Thương Mại Sài Gòn 9	900.900	
Các khách hàng khác	5.182.289.421	5.975.731.256
Cộng	115.596.211.839	191.767.355.163

NHM

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3. Trả trước cho người bán

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Trả trước cho các bên liên quan	-	-
Các nhà cung cấp khác	11.908.352.909	13.906.259.391
Cộng	11.908.352.909	13.906.259.391

4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải thu về cổ phần hoá	195.251.931	195.251.931
Phải thu thuế thu nhập cá nhân trước cổ phần hóa	4.977.363	4.977.363
Phải thu cổ tức	-	-
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp phải thu của người lao động	-	113.275.058
Thu tiền các khách hàng hộ cho Công ty Cổ phần nước giải khát Chương Dương	1.488.079.204	1.493.834.663
Phải thu khác	1.468.843.204	1.580.087.451
Cộng	3.157.151.702	3.387.426.466

5. Hàng tồn kho

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nhiên liệu, vật liệu, phụ tùng ô tô	2.928.275.315	3.161.946.305
Công cụ, dụng cụ	5.850.386	5.979.638
Cộng giá gốc hàng tồn kho	2.934.125.701	3.167.925.943
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	2.934.125.701	3.167.925.943

6. Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	274.384.736	663.808.958
Chi phí mua bảo hiểm	3.185.678.207	461.747.302
Chi phí thuê hoạt động tài sản cố định	932.637.982	2.625.680.182
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	179.715.202	444.244.137
Cộng	4.572.416.127	4.195.480.579

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7. Thuế và các khoản phải thu nhà nước

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	1.919.895.835	1.919.895.835
Các khoản khác phải thu nhà nước	-	-
Cộng	1.919.895.835	1.919.895.835

8. Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tạm ứng	2.064.404.782	1.818.697.958
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	100.000.000	100.000.000
Cộng	2.164.404.782	1.918.697.958

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	126.000.000	550.401.400	123.024.687.666	4.269.785.931	127.970.874.997
Tăng trong kỳ	-	-	195.000.000	32.000.000	227.000.000
- Mua trong kỳ	-	-	195.000.000	32.000.000	227.000.000
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
- Nhượng bán	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	126.000.000	550.401.400	123.219.687.666	4.301.785.931	128.197.874.997
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	113.750.000	187.056.153	72.853.363.756	3.191.273.977	76.345.443.886
Khấu hao	12.250.000	55.339.121	9.299.520.588	581.857.149	9.948.966.858
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
- Nhượng bán	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	126.000.000	242.395.274	82.152.884.344	3.773.131.126	86.294.410.744
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	12.250.000	363.345.247	50.171.323.910	1.078.511.954	51.625.431.111
Số cuối kỳ	-	308.006.126	41.066.803.322	528.654.805	41.903.464.253

Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết những vẫn còn sử dụng là 2.457.565.650 đồng (tại ngày 31/12/2012 là 2.336.442.920 đồng)

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách tại ngày 30/06/2013 lần lượt là 28.689.588.692 đồng và 11.579.721.280 đồng (tại ngày 31/12/2012 lần lượt là 97.935.557.479 đồng và 36.727.374.006 đồng) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Phát triển nhà đồng bằng sông Cửu Long – chi nhánh Sài Gòn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

10. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2013		01/01/2013	
	Số lượng cổ phần	Giá trị VND	Số lượng cổ phần	Giá trị VND
Đầu tư vào công ty con		41.310.000.000		41.310.000.000
Công ty cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn Sabetran – Miền Bắc	1.377.000	13.770.000.000	1.377.000	13.770.000.000
Công ty cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn Sabetran – Miền Trung	1.377.000	13.770.000.000	1.377.000	13.770.000.000
Công ty cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn – Miền Tây	1.377.000	13.770.000.000	1.377.000	13.770.000.000
Đầu tư dài hạn khác		2.350.000.000		2.350.000.000
Công ty cổ phần Kinh doanh lương thực Thực phẩm Sabeco	90.000	1.350.000.000	90.000	1.350.000.000
Công ty cổ phần Bia Sài Gòn Phú Lý	100.000	1.000.000.000	100.000	1.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		-		-
Cộng		43.660.000.000		43.660.000.000

Đầu tư vào công ty con bao gồm:

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703001595 ngày 18 tháng 09 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp, vốn đầu tư của Công ty vào Công ty cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn Sabetran – Miền Bắc là 13.770.000.000 đồng (1.377.000 cổ phần), tương đương 51% vốn điều lệ.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3403000139 ngày 20 tháng 09 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp, vốn đầu tư của Công ty vào Công ty cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn Sabetran – Miền Trung là 13.770.000.000 đồng (1.377.000 cổ phần), tương đương 51% vốn điều lệ.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 54.03.000059 ngày 06 tháng 11 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp, vốn đầu tư của Công ty vào Công ty cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn – Miền Tây là 13.770.000.000 đồng (1.377.000 cổ phần), tương đương 51% vốn điều lệ.

11. Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí trả trước thuê hoạt động tài sản cố định	4.827.260.460	5.626.484.208
Chi phí trả trước dài hạn khác	17.585.967.927	19.113.281.407
Cộng	22.413.228.387	24.739.765.615

12. Vay và nợ ngắn hạn

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh V.18)	4.378.000.000	13.664.422.918
Cộng	4.378.000.000	13.664.422.918

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

13. Phải trả người bán

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Công ty Cổ Phần Vận Tải Giao Nhận và Thương Mại Quảng Châu	8.836.490.865	16.557.976.702
Công ty Cổ Phần Vận Tải và Thương Mại	2.848.990.166	2.508.001.940
Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Sài Gòn	-	7.302.350
Công ty Cổ phần Bao bì Bia Sài Gòn	498.602.500	498.602.500
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh	3.405.081.732	-
Công ty Cổ phần Vận Tải và Giao Nhận Bia Sài Gòn	19.949.898.239	27.658.255.733
Sabetran - Miền Bắc		
Công ty Cổ phần Vận Tải và Giao Nhận Bia Sài Gòn	50.896.843.809	41.671.415.898
Sabetran - Miền Trung		
Công ty Cổ phần Vận Tải và Giao Nhận Bia Sài Gòn Miền Tây	35.585.229.955	31.593.000.000
Công ty TNHH Xây Dựng và Thương Mại Sài Gòn 9	163.782.711	-
Các nhà cung cấp khác	79.294.708.991	55.395.987.168
Cộng	201.479.628.968	175.890.542.291

14. Người mua trả tiền trước

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Công ty CP Bia Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân	-	479.361
Công ty CP Bia Sài Gòn Miền Tây	716.155	
Công ty TNHH ITV Thương mại SABECO	3.631.156.001	-
Trả trước của khách hàng khác	20.240.835	-
Cộng	3.652.112.991	479.361

15. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	4.095.344.322
Thuế thu nhập cá nhân	1.278.475	12.845.468
Cộng	1.278.475	4.108.189.790

16. Chi phí phải trả

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Chi phí thuê xe vận chuyển	854.539.845	12.564.833.711
Chi phí lãi vay phải trả	212.729.130	410.603.525
Chi phí phải trả khác	445.481.346	1.554.274.732
Cộng	1.512.750.321	14.529.711.968

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

17. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	479.487.931	15.294.758
Cổ tức phải trả	183.810.500	4.312.429.000
Nhận ký quỹ ký cược	4.042.500	4.042.500
Các khoản phải trả, phải nộp khác	187.071.912	4.845.070
Cộng	854.412.843	4.336.611.328

18. Vay và nợ dài hạn

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay dài hạn ngân hàng	7.836.115.960	7.836.115.960
Cộng	7.836.115.960	7.836.115.960

Vay dài hạn Ngân hàng Phát triển nhà Đồng bằng sông Cửu Long – Chi nhánh Sài Gòn theo hợp đồng tín dụng sau:

Hợp đồng tín dụng số TD.1320.09/HĐTD ngày 24 tháng 07 năm 2009 để nhập khẩu ủy thác phương tiện vận tải với lãi suất bằng lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước cộng 2%, thời hạn vay là 60 tháng. Số dư nợ gốc vay là 12.214.115.960 đồng. Số dư nợ vay đến hạn trả đã được phân loại sang nợ ngắn hạn là 4.378.000.000 đồng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định của Công ty.

19. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Số đầu năm	-	308.273.436
Số trích lập trong kỳ	-	-
Số chi trong kỳ	-	(6.207.016)
Số đã hoàn trong kỳ	-	(302.066.420)
Số cuối kỳ	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

20. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND				
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
					Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	80.000.000.000	27.496.000.000	16.596.027.258	8.000.000.000	19.880.112.420
Lãi trong năm trước					18.471.650.086
Chia cổ tức năm 2011					(16.000.000.000)
Tạm ứng cổ tức năm 2012					(16.000.000.000)
Trích lập các quỹ					(953.487.678)
Biến động khác					(20.352.354)
Số dư cuối năm trước	80.000.000.000	27.496.000.000	16.596.027.258	8.000.000.000	5.377.922.474
Lỗ trong kỳ này					(70.209.553.972)
Trích lập các quỹ					(445.650.086)
Chi bổ sung thù lao HĐQT và BKS 2012					(2.026.000.000)
Chi thường cán bộ, công nhân viên Biến động khác					(1.882.270.147)
Số dư cuối kỳ này	80.000.000.000	27.496.000.000	16.596.027.258	8.000.000.000	(69.798.769.231)
					62.293.258.027

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2013	%	01/01/2013	%
	VND		VND	
Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu nước giải khát Sài Gòn	20.000.000.000	25	20.000.000.000	25
Vốn góp của các đối tượng khác	60.000.000.000	75	60.000.000.000	75
Cộng	80.000.000.000	100	80.000.000.000	100

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	80.000.000.000	80.000.000.000
Vốn góp cuối năm	80.000.000.000	80.000.000.000
Cổ tức lợi nhuận đã chi trả	(4.119.891.200)	(16.120.142.000)
- Chi trả cổ tức năm trước	(4.119.891.200)	(16.120.142.000)
- Chi trả cổ tức kỳ này	-	-

d) Cổ phiếu

	30/06/2013	01/01/2013
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	8.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng hóa	1.732.021.682	1.841.807.300
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	461.038.025.862	422.300.917.426
Cộng	462.770.047.544	424.142.724.726



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa	1.679.678.511	1.798.127.645
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	512.283.471.059	390.686.441.809
Cộng	513.963.149.570	392.484.569.454

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi dưới 03 tháng	143.024.551	219.535.534
Lãi tiền gửi từ 03 tháng trở lên	-	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
Cộng	143.024.551	219.535.534

4. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Lãi tiền vay	841.308.775	1.705.413.784
Cộng	841.308.775	1.705.413.784

5. Chi phí bán hàng

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Chi phí cho nhân viên	4.068.100.410	4.817.601.726
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ	502.808.199	83.105.846
Chi phí khấu hao tài sản cố định	40.920.304	54.805.693
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.501.826.967	187.939.367
Chi phí bằng tiền khác	165.937.309	160.778.828
Cộng	6.279.593.189	5.304.231.460

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6. Chi phí Quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Chi phí cho nhân viên	6.580.155.166	7.456.696.053
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ	551.076.164	378.514.768
Chi phí khấu hao tài sản cố định	526.657.936	596.851.359
Chi phí thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.122.793.691	3.526.900.750
Chi phí bằng tiền khác	891.412.315	876.171.124
Cộng	11.675.095.272	12.838.134.054

7. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Thanh lý tài sản cố định	-	358.358.753
Thu nhập khác	3.281	2.503.392
Cộng	3.281	360.862.145

8. Chi phí khác

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	-	358.358.753
Chi phí khác	363.482.542	7.540
Cộng	363.482.542	358.366.293

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 25% trên thu nhập chịu thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được trình bày dưới đây:

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(70.209.553.972)	12.032.407.360
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm	-	423.573.100
- Điều chỉnh tăng (chi phí không được khấu trừ)	-	423.573.100
- Điều chỉnh giảm (cổ tức được chia)	-	-
Tổng lợi nhuận tính thuế	(70.209.553.972)	12.455.980.460
Chuyển lỗ	-	-
Tổng thu nhập tính thuế	(70.209.553.972)	12.455.980.460
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	3.113.995.115
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	-	(1.556.997.558)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	1.556.997.558

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Chi phí nhân công	30.538.273.273	31.372.667.856
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	25.202.470.433	20.719.028.469
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.948.966.858	10.006.140.736
Chi phí dịch vụ mua ngoài	463.348.689.332	345.562.680.310
Chi phí khác bằng tiền	1.199.759.624	1.168.289.952
Cộng	530.238.159.520	408.828.807.323

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Trong kỳ, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
Tổng Công ty Cp Bia rượu nước giải khát Sài Gòn và các chi nhánh	Bên liên quan	Mua hàng	56.594.615
Công ty Cp Vận tải và Giao nhận	Công ty con	Cung cấp dịch vụ vận tải	595.216.355
Bia sài gòn Sabetran - Miền Bắc		Phải trả dịch vụ vận tải	36.762.884.953
Công ty Cp Vận tải và Giao nhận	Công ty con	Phải trả dịch vụ vận tải	90.585.465.429
Bia sài gòn Sabetran - Miền Trung		Phải trả dịch vụ giám sát GPS	19.800.000
		Bán hàng	1.443.502.500
Công ty Cp Vận tải và Giao nhận	Công ty con	Phải trả dịch vụ vận tải	50.982.046.085
Bia sài gòn - Miền Tây		Bán hàng	316.250

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Sabeco	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận tải Cung cấp dịch vụ cho thuê kho	267.991.349 1.781.563.800
Công ty Cp Thương mại Sabeco Trung Tâm	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận tải	149.462.008.542
Công ty Cp Thương mại Sabeco Sông Tiền và các chi nhánh	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận tải	76.227.062.572
Công ty Cp Thương mại Sabeco Sông Hậu và các chi nhánh	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận tải	64.266.888.152
Công ty Cp Thương mại Sabeco Miền Đông và các chi nhánh	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận tải	78.789.605.203
Công ty Cp Thương mại Sabeco Tây Nguyên và các chi nhánh	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận tải	56.192.163.540
Công ty Cp Thương mại Sabeco Nam Trung Bộ và các chi nhánh	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận tải	62.319.040.870
Công ty Cp Thương mại Sabeco Miền Trung và các chi nhánh	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận tải	6.167.268.558
Công ty Cp Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh và các chi nhánh	Bên liên quan	Phải trả dịch vụ vận tải	18.770.575.608
Công ty Cp Bia Sài Gòn - Bình Tây	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận tải	23.258.070
Công ty Cp Bia Sài Gòn - Hà Nội	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận tải	244.700.474
Công ty Cp Bia Sài Gòn - Phú Thọ	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận tải	87.136.991
Công ty Cp Bia Sài Gòn - Phú Lý	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận tải	121.497.992
Công ty Cp Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận tải	397.258.085
Công ty Cp Bia Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận tải	13.574.683
Công ty TNHH Một thành viên bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận tải	1.787.841.550
Công ty Cp Rượu Bình Tây và các chi nhánh	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận tải	54.182.621
Công ty Cp Vận tải và Thương mại	Bên liên quan	Phải trả dịch vụ vận tải	4.898.990.166
Công ty Cp Vận tải Giao nhận và Thương mại Quang Châu	Bên liên quan	Phải trả dịch vụ vận tải Bán hàng	24.511.199.522 23.498.840
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sài Gòn 9	Bên liên quan	Phải trả dịch vụ vận tải Cung cấp dịch vụ giám sát GPS Bán hàng	15.516.863.061 4.158.000 13.605.900

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho đến ngày 30/06/2013, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau :

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải thu/ (phải trả) (VND)
Tổng Công ty Cp Bia rượu nước giải khát Sài Gòn và các chi nhánh	Bên liên quan	Phải thu dịch vụ vận tải	451.363.548
Công ty Cp Vận tải và Giao nhận Bia sài gòn Sabetran - Miền Bắc	Công ty con	Phải trả dịch vụ vận tải	(19.949.898.239)
Công ty Cp Vận tải và Giao nhận Bia sài gòn Sabetran - Miền Trung	Công ty con	Phải trả dịch vụ vận tải	(50.896.843.809)
		Phải thu bán hàng, cho thuê xe	1.463.302.500
Công ty Cp Vận tải và Giao nhận Bia sài gòn - Miền Tây	Công ty con	Phải trả dịch vụ vận tải	(35.585.229.955)
		Phải thu bán hàng, cho thuê xe	3.880.309.400
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Sabeco	Bên liên quan	Ứng trước cung cấp dịch vụ cho thuê kho	(3.631.156.001)
Công ty Cp Thương mại Sabeco Trung Tâm	Bên liên quan	Phải thu dịch vụ vận tải	26.878.305.069
Công ty Cp Thương mại Sabeco Sông Tiền và các chi nhánh	Bên liên quan	Phải thu dịch vụ vận tải	11.733.109.971
Công ty Cp Thương mại Sabeco Sông Hậu và các chi nhánh	Bên liên quan	Phải thu dịch vụ vận tải	9.940.109.949
Công ty Cp Thương mại Sabeco Miền Đông và các chi nhánh	Bên liên quan	Phải thu dịch vụ vận tải	27.582.097.983
Công ty Cp Thương mại Sabeco Tây Nguyên và các chi nhánh	Bên liên quan	Phải thu dịch vụ vận tải	9.432.615.324
Công ty Cp Thương mại Sabeco Nam Trung Bộ và các chi nhánh	Bên liên quan	Phải thu dịch vụ vận tải	10.723.061.245
Công ty Cp Thương mại Sabeco Miền Trung và các chi nhánh	Bên liên quan	Phải thu dịch vụ vận tải	997.693.686
Công ty Cp Bia Sài Gòn - Miền Tây	Bên liên quan	Ứng trước cung cấp dịch vụ vận tải	(716.155)
Công ty Cp Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh và các chi nhánh	Bên liên quan	Phải thu dịch vụ vận tải	55.343.448
Công ty Cp Bia Sài Gòn - Sông Lam	Bên liên quan	Phải trả dịch vụ vận tải	(3.405.081.732)
		Phải thu dịch vụ vận tải	123.081.982
Công ty Cp Bia Sài Gòn - Bình Tây	Bên liên quan	Phải thu dịch vụ vận tải	3.287.790
Công ty Cp Bia Sài Gòn - Hà Nội	Bên liên quan	Phải thu dịch vụ vận tải	1.714.646.606
Công ty Cp Bia Sài Gòn - Phú Thọ	Bên liên quan	Phải thu dịch vụ vận tải	32.367.710
Công ty Cp Bia Sài Gòn - Phú Lý	Bên liên quan	Phải thu dịch vụ vận tải	87.170.798
Công ty Cp Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi	Bên liên quan	Phải thu dịch vụ vận tải	5.706.168
Công ty Cp Bao bì Bia Sài Gòn	Bên liên quan	Phải thu dịch vụ thuê kho	3.456.426.040
		Phải trả tiền mua hàng	(498.602.500)
Công ty TNHH Một thành viên bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	Bên liên quan	Phải thu dịch vụ vận tải	1.787.841.550

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải thu/ (phải trả) (VND)
Công ty Cp Rượu Bình Tây và các chi nhánh	Bên liên quan	Phải thu dịch vụ vận tải	54.182.621
Công ty Cp Vận tải và Thương mại	Bên liên quan	Phải trả dịch vụ vận tải	(2.848.990.166)
Công ty Cp Vận tải Giao nhận và Thương mại Quang Châu	Bên liên quan	Phải trả dịch vụ vận tải	(8.836.490.865)
		Phải thu bán hàng	10.998.130
Công ty TNHH Xây dựng và thương mại Sài Gòn 9	Bên liên quan	Phải trả dịch vụ vận tải	(259.482.711)
		Phải thu bán hàng	900.900

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản Trị, Ban điều hành trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Thu nhập của Hội đồng quản trị	1.625.749.986	457.999.992
Thu nhập của Ban điều hành	2.432.114.549	1.726.850.498
Cộng	4.057.864.535	2.184.850.490

2. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là cung cấp dịch vụ vận chuyển.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam.

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	31.555.041.796	28.932.429.645	31.555.041.796	28.932.429.645
Phải thu khách hàng	115.596.211.839	191.767.355.163	115.596.211.839	191.767.355.163
Phải thu khác	3.252.174.339	3.369.174.045	3.252.174.339	3.369.174.045
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	2.350.000.000	2.350.000.000	2.350.000.000	2.350.000.000
Cộng	152.753.427.974	226.418.958.853	152.753.427.974	226.418.958.853
Nợ phải trả tài chính				
Các khoản vay	12.214.115.960	21.500.538.878	12.214.115.960	21.500.538.878
Phải trả người bán	201.479.628.968	175.890.542.291	201.479.628.968	175.890.542.291
Phải trả khác	5.683.980.664	26.390.497.105	5.683.980.664	26.390.497.105
Cộng	219.377.725.592	223.781.578.274	219.377.725.592	223.781.578.274

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý :

Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) phần lớn xấp xỉ với giá trị ghi sổ do kỳ hạn ngắn hạn của những công cụ này.

Giá trị hợp lý của các khoản vay và các khoản phải trả khác dài hạn được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự. Giá trị hợp lý của các khoản nợ phải trả tài chính này tương đương giá trị sổ sách do ảnh hưởng của việc chiết khấu là không đáng kể.

4. Tài sản đảm bảo

Công ty có một số tài sản đảm bảo thế chấp đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng vào ngày 31/12/2012 và vào ngày 30/06/2013 (xem thuyết minh V.9). Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của đơn vị khác vào ngày 31/12/2012 và vào ngày 30/06/2013.

5. Thuê hoạt động

Công ty thuê đất tại ấp Đức Hiệp, xã Nhuận Đức, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 19.745 m² dưới hình thức thuê hoạt động được sử dụng cho mục đích xây dựng văn phòng làm việc và bãi đỗ xe. Hợp đồng thuê có hiệu lực 20 năm bắt đầu từ ngày 01/08/2010 đến 01/08/2030. Chi phí thuê được điều chỉnh tăng lên hàng năm theo giá thuê trên thị trường.

Công ty thuê khu nhà và đất tại 19A Cộng Hòa, phường 12, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 2.300 m² dưới hình thức thuê hoạt động được sử dụng cho mục đích làm văn phòng làm việc. Hợp đồng thuê có hiệu lực 5 năm bắt đầu từ 29/01/2010 đến 29/01/2015. Chi phí thuê được tính cố định trong suốt thời hạn thuê.

Công ty thuê kho tại 1153/15 Quốc lộ 1A, phường Thới An, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 4.833 m² dưới hình thức thuê hoạt động. Hợp đồng thuê có hiệu lực 3 năm bắt đầu từ 01/01/2012 đến 31/12/2014. Chi phí thuê được điều chỉnh tăng lên hàng năm theo giá thuê trên thị trường.

Ngoài ra, Công ty có thuê hoạt động 3 xe con phục vụ công tác, thời hạn thuê trong khoảng từ 15/01/2012 đến 08/11/2016, chi phí thuê được tính cố định trong suốt thời hạn thuê.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động sẽ được thanh toán như sau:

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Từ 1 năm trở xuống	3.924.626.437	5.181.911.467
Từ 1 năm đến 5 năm	7.345.751.418	8.503.900.654
Từ 5 năm trở lên	13.300.000.000	13.900.000.000
Cộng	24.570.377.855	27.585.812.122

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính (bao gồm cả lãi phải trả) của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 năm đến 05 năm	Cộng
Số cuối kỳ	211.957.050.089	8.095.129.625	220.052.179.715
Các khoản vay và nợ	4.793.440.457	8.095.129.625	12.888.570.083
Phải trả người bán	201.479.628.968	-	201.479.628.968
Phải trả khác	5.683.980.664	-	5.683.980.664
Số đầu năm	216.991.130.440	8.095.129.625	225.086.260.066
Các khoản vay và nợ	14.710.091.044	8.095.129.625	22.805.220.670
Phải trả người bán	175.890.542.291	-	175.890.542.291
Phải trả khác	26.390.497.105	-	26.390.497.105

9. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá nhiên liệu và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ là Đồng Việt Nam.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Tại ngày 30/06/2013, với giả định các biến số khác không đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm này của Công ty sẽ giảm/tăng 183.211.739 VND (năm trước giảm/tăng 248.881.739 VND) do sự tăng/giảm của chi phí lãi vay. Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của lãi suất năm nay giảm so với năm trước do Công ty đã thanh toán được một phần nợ vay.

Rủi ro về giá nhiên liệu

Sự biến động của giá nhiên liệu ảnh hưởng lớn đến chi phí và do vậy có ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty. Ban Tổng Giám đốc Công ty hạn chế ảnh hưởng này thông qua việc đàm phán lại phí vận chuyển ngay khi có sự biến động của giá nhiên liệu.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

10. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 và số liệu trên báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 do Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt (AASCN) kiểm toán và soát xét.

Người lập biểu



Lê Thị Thu Hà

Ngày 15 tháng 07 năm 2013

Kế toán trưởng



Trần Bình Nam



Đàm Phan Liêm

